

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HẢI NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hải Nhân, ngày tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và chi phí tư vấn lập BCKTKT, nhiệm vụ khảo sát và chi phí khảo sát, xây dựng công trình: Kiên cố hóa mương tưới, tiêu thôn Bắc Hải, thôn Thượng Bắc, thôn Thượng Nam xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI NHÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015, Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền Địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 10/2021/NĐ-CP về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định 06/2021/NĐ-CP về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 269/NĐ -HĐND, ngày 19/12/2022 của Hội đồng Nhân dân thị xã Nghi Sơn về chủ trương đầu tư dự án kiên cố hóa mương tưới, tiêu thôn Bắc Hải, thôn Thượng Bắc, thôn Thượng Nam xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn;

Xét đề nghị của Cán bộ Địa Chính - Xây dựng về việc xin phê duyệt nhiệm vụ khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Kiên cố hóa mương tưới, tiêu thôn Bắc Hải, thôn Thượng Bắc, thôn Thượng Nam xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và chi phí tư vấn lập BCKTKT; nhiệm vụ chi phí khảo sát xây dựng công trình: Kiên cố hóa mương tưới, tiêu thôn Bắc Hải, thôn Thượng Bắc, thôn Thượng Nam xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn, với những nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Kiên cố hóa mương tưới, tiêu thôn Bắc Hải, thôn Thượng Bắc, thôn Thượng Nam xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn

2. Chủ đầu tư: UBND Xã Hải Nhân

3. Loại, cấp, quy mô công trình: Công trình thủy lợi cấp IV, thuộc dự án nhóm C.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Hải Nhân

5. Mục tiêu đầu tư: Kênh tưới tổ dân phố thanh cao và hồng phong 1 , xã Hải Nhân đảm bảo an toàn thoát lũ, cung cấp nước phục vụ nông nghiệp và sinh hoạt cho nhân dân trong vùng.

6. Quản lý thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

7. Nội dung nhiệm vụ thiết kế:

- Phù hợp với tình hình Quy hoạch cảnh quan trong bối cảnh phát triển kinh tế-xã hội, quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa, phong trào xây dựng tổ dân phố từ đó đề xuất các định hướng, giải pháp phù hợp.

- Chú trọng đến bảo tồn, chỉnh trang các không gian vốn có trước đây nơi tuyến đường đi qua, hạn chế can thiệp làm biến đổi tự nhiên.

- Đảm bảo hài hòa và thân thiện với môi trường.

8. Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác.

a. Quy mô công trình: Công trình Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cấp IV

* Thôn Bắc Hải:

+ Tuyến số 1: L= 224.67m; kích thước kênh (0.5x0.6)m kết hợp đường giao thông; trong đó có đoạn lắp tấm đan L=80m; đường thi công kết hợp vận hành đổ bê tông B=3.0m; lề (2x0.50)m dài L=224.67m

+ Tuyến số 2: L= 221.73m; kích thước kênh (0.5x0.6)m đường thi công kết hợp vận hành đổ bê tông B=3.0m; lề (2x0.50)m dài L=221.73m

+ Tuyến số 3: L= 486.83m; kích thước kênh (0.6x0.7)m.

+ Tuyến số 9-1: L=89.11m; kích thước kênh (0.5x0.6)m đường giao thông đổ bê tông M250, B=3.0m; lề (2x0.50)m dài L=89.11m

+ Tuyến số 9-2: L=110.52m; kích thước kênh (0.5x0.6)m giữa đường, đường giao thông đổ bê tông M250, B=3.0m; lề (2x0.50)m dài L=89.11m

+ Tuyến số 10: L=813m;

- bổ sung L1= 710m tấm đan kích thước (1.0x1.0x0.15)m bê tông cốt thép M250.

- Thiết kế bổ sung 104m mương kích thước rãnh (0.5x0.6)m; mương xây có tấm đan BTCT M250;

* Thôn Thượng Bắc:

+ Tuyến số 4: L= 186.26m; kích thước kênh (0.6x0.7)m đường thi công kết hợp vận hành đổ bê tông B=3.0m; lề (2x0.50)m dài L=186.26m;

+ Tuyến số 5: L= 106.62m; kích thước kênh (0.5x0.6)m đường thi công kết hợp vận hành đổ bê tông B=3.0m; lề (2x0.50)m dài L=181.48m;

+ Tuyến số 6: L= 181.48m; kích thước kênh (0.5x0.6)m giữa đường, đường giao thông đổ bê tông M250, B=3.0m; lề (2x0.50)m dài L=181.48m

+ Tuyến số 7: L= 106.77m; kích thước kênh (0.5x0.6)m giữa đường, đường giao thông đổ bê tông M250, B=3.0m; lề (2x0.50)m dài L=106.77m

* Thôn Thượng Nam:

+ Tuyến số 8: $L = 299.29\text{m}$; kích thước kênh $(2 \times 0.5)\text{m}$

Tổng chiều dài các tuyến là:

$L = 252.67 + 221.73 + 486.83 + 89.11 + 110.52 + 813 + 186.26 + 106.62 + 181.48 + 106.77 + 299.29 = 2798.28\text{m}$

- Chiều dài các tuyến kênh kiên cố hóa: $L = 2041.28\text{m}$;

- Chiều dài tuyến kênh không kiên cố chỉ bổ sung tấm đan: $L = 813\text{m}$;

- Chiều dài các tuyến đường kết hợp kênh tưới và tiêu thoát $L = 1713.99\text{m}$

- Đáy kênh được đổ bê tông M200 dày 15cm, dưới lót nilon tái sinh và lớp đá dăm đệm dày 10cm

- Riêng tuyến kênh số 8 được đổ bằng BTCT M200 thành dày 15cm, đáy dày 25cm, dưới lót BTT M100 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre $D = (6-8)\text{cm}$, dài 2.0m mật độ đóng 16 cọc/ m^2 .

- Chèm kênh kích thước $(5 \times 5)\text{cm}$ kết cấu BTT M200

- Thanh giằng kênh kết cấu BTCT M200, các thanh giằng được đặt cách nhau 2.5m

- Cứ 10m cắt 1 khe lún giấy dầu tấm nhựa đường

- Đất đào phong hóa được đổ tại bãi thải theo đúng quy định

- Đất đắp là đất đá thải được mua tại mỏ Tượng Sơn, huyện Nông Cống.

Các công trình trên kênh:

Xây dựng các cống đầu kênh giàn đóng mở và ổ khóa V1

+ Tại các vị trí đường ngang, lắp đặt tấm đan bê tông cốt thép để thuận lợi cho việc đi lại tại vị trí các nút giao với đường giao thông.

- Đường giao thông $B = 3.0\text{m}$ đổ bê tông thường M250 dày 18cm dưới lót nilon tái sinh và rải lớp cấp phối đá dăm dày 16cm, lề đường $B = (2 \times 0.5)\text{m}$ đổ đất đá thải lu lèn chặt, đánh mặt đường bằng máy đảm bảo độ nhám mặt đường đạt yêu cầu.

b. Thời gian sử dụng công trình: 50 năm

c. Công năng, mục đích sử dụng: Nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại lưu thông hàng hóa của nhân dân trong khu vực, góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn xã, góp phần thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội của Địa phương.

9. Nội dung nhiệm vụ khảo sát xây dựng: Tuân thủ theo điều 26 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

9.1. Mục đích khảo sát: Cung cấp đầy đủ các số liệu cần thiết về địa hình, địa chất (nếu yêu cầu), thủy văn, điều kiện tự nhiên và các điều kiện liên quan khác phục vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

9.2. Phạm vi khảo sát: Khảo sát tuyến mương với chiều dài, $L = 2041,28\text{m}$

9.3. Khối lượng khảo sát dự kiến

TT	Hạng mục công việc	Đơn	Kênh	Ghi
----	--------------------	-----	------	-----

		vị		chú
A	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH			
I	Đo vẽ Bình đồ: Địa hình cấp II			
1	Bình đồ vị trí kênh. Tỷ lệ đo vẽ bình đồ: 1/500; đường đồng mức 0,5 m	ha	5.6	
	<i>Trên cạn</i>		5.6	
II	Đo vẽ cắt dọc: Địa hình cấp II			
	<i>Trên cạn</i>		2013.28	
III	Đo vẽ cắt ngang, tỷ lệ 1/200			
1	Tuyến kênh	m	2010	
	<i>Trên cạn</i>		2010	
IV	Mốc tim tuyến KT (12x12x60cm)	mốc	22	
V	Mốc GPMB			
1	Cọc tre đường kính $\Phi(6\div 8)$ cm, L=100cm	cọc	110	
VI	Cấp địa hình, độ chính xác			
1	Cấp địa hình: Cấp II			
2	Lưới đường chuyền: Đường chuyền cấp 2	điểm	11	
3	Xác định hệ tọa độ đo vẽ bằng GPS	điểm	2	
4	Thủy chuẩn kỹ thuật	km	2.01328	
5	Điều tra dân sinh kinh tế xã hội	ca	2	

10. Chi phí khảo sát, lập báo cáo KTKT: 395.269.000 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng./.)

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát địa hình: 164.296.000 đồng

+ Chi phí lập báo cáo KTKT (tạm tính): 231.000.000 đồng

Giá trị quyết toán chính xác theo biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng trên cơ sở khối lượng, giá trị dự toán của hạng mục công trình đó được các cấp có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định và phê duyệt.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thị xã hỗ trợ 70%, nguồn ngân sách xã tư cân đối được bố trí tại quyết định số 489/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của HĐND về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 do thị xã Nghi Sơn quản lý.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023

Điều 2. Các phòng ban chức năng liên quan có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị với tổ chức triển khai nội dung tại điều 1 trong quyết định theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Công Chức Văn phòng UBND Xã Hải Nhân, Kế toán Ngân sách, Ban QLDA công trình: Kiên cố hóa mương tưới, tiêu thôn Bắc Hải, thôn Thượng Bắc, thôn Thượng Nam xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn, Địa chính - Xây dựng, và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3QĐ (T/hiện);
- Lưu: VP,KT.

CHỦ TỊCH

Mai Xuân Thắng

PHỤ LỤC 01: CHI PHÍ KHẢO SÁT + LẬP BCKTKT**Công trình: Kiên cố hóa nương tươi, tiêu thôn Bắc Hải, thôn Thượng Bắc, thôn Thượng Nam xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn**

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	VLHT	9.311.391	VL
	- Đơn giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu	9.311.391	VLHT
2	Chi phí nhân công	NCHT	73.696.627	NC
	- Đơn giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công	73.696.627	NCHT
3	Chi phí máy thi công	MHT	2.710.016	M
	- Đơn giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công	2.710.016	MHT
	Chi phí trực tiếp	VL + NC + M	85.718.034	T
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	NC x 70%	51.587.639	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 2,2%	1.885.797	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2,0%	1.714.361	TT
	Chi phí gián tiếp	C + LT + TT	55.187.797	GT
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T + GT) x 6%	8.454.350	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	T + GT + TL	149.360.181	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G x 10%	14.936.018	GTGT
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT	164.296.199	Gxd
	Tổng cộng	Gxd	164.296.199	
	Làm tròn		164.296.000	
<i>Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng./.</i>				